

Số : 007/CV/IFS/2023

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

(V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2022)

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Chúng tôi xin gửi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 4 năm 2022 như sau:

ĐVT: Ngân VND

| Các chỉ tiêu | Quý 4 năm 2022 | Quý 4 năm 2021 | % | Lũy kế Quý 4 năm 2022 | Lũy kế Quý 4 năm 2021 | % |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| Tổng doanh thu | 531,313,566 | 316,110,310 | 68% | 1,830,257,198 | 1,313,243,452 | 39% |
| Các khoản giảm trừ | 35,047,867 | 20,331,949 | 72% | 117,545,282 | 84,011,096 | 40% |
| <i>% Giảm trừ doanh thu</i> | 7% | 6% | | 6% | 6% | |
| Doanh thu thuần | 496,265,699 | 295,778,361 | 68% | 1,712,711,916 | 1,229,232,356 | 39% |
| Giá vốn hàng bán | 326,847,559 | 198,646,276 | 65% | 1,151,195,520 | 770,285,527 | 49% |
| <i>% Giá vốn hàng bán</i> | 66% | 67% | | 67% | 63% | |
| Lợi nhuận gộp | 169,418,140 | 97,132,085 | 74% | 561,516,396 | 458,946,829 | 22% |
| <i>% Lợi nhuận gộp</i> | 34% | 33% | | 33% | 37% | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 9,025,026 | 2,832,867 | 219% | 22,130,875 | 7,226,468 | 206% |
| Chi phí tài chính | 322,817 | 138,709 | 133% | 466,995 | 207,453 | 125% |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | - | 106 | -100% | - | 5,522 | -100% |
| Chi phí bán hàng | 107,674,094 | 66,355,203 | 62% | 359,312,454 | 233,409,713 | 54% |
| <i>% Chi phí bán hàng</i> | 22% | 22% | | 21% | 19% | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9,825,838 | 9,630,865 | 2% | 36,476,380 | 36,394,434 | 0% |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | 60,620,417 | 23,840,175 | 154% | 187,391,442 | 196,161,697 | -4% |
| Thu nhập khác | 7,388,513 | 357,195 | 1968% | 7,902,438 | 805,364 | 881% |
| Chi phí khác | 372,804 | 27,422,067 | -99% | 1,749,715 | 39,784,570 | -96% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 67,636,126 | (3,224,697) | -2197% | 193,544,165 | 157,182,491 | 23% |
| CP thuế TN hiện hành | 5,429,349 | 1,821,710 | 198% | 36,151,167 | 32,119,926 | 13% |
| CP thuế TN hoãn lại | 6,962,093 | (2,436,606) | -386% | 1,747,368 | (494,969) | -453% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 55,244,684 | (2,609,801) | -2217% | 155,645,630 | 125,557,534 | 24% |
| <i>% Lợi nhuận sau thuế</i> | 11% | -1% | | 9% | 10% | |

Quý 4 năm 2022 đánh dấu giai đoạn Công ty tiếp tục hồi phục thể hiện qua kết quả doanh số cả năm đã vượt qua năm 2019 trước đại dịch và tiếp tục có lãi sau thuế đạt 55 tỷ đồng, lũy kế năm 2022 đạt 156 tỷ đồng.

Trong quý Công ty tiếp tục đẩy mạnh khôi phục các điểm bán hàng, kết quả tổng doanh thu bán hàng tăng mạnh vượt hơn 68% so với cùng kỳ năm ngoái và doanh thu thuần cũng tăng vượt 68% so với cùng kỳ.

Chi phí giá vốn hàng bán Quý 4 năm 2022 có giảm nhẹ còn chiếm 66% tỷ trọng doanh thu thuần so với cùng kỳ năm ngoái là 67% do quý cuối năm 2022 giá một số nguyên vật liệu đầu chủ chốt đã có xu hướng ổn định trở lại sau thời gian biến động mạnh trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng do trong kỳ này Công ty tiếp tục duy trì khoản tiền gửi ngắn hạn 700 tỷ đồng tại một ngân hàng có lãi suất cạnh tranh.

Trong Quý 4-2022 công ty tăng cường thực hiện các chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng doanh số dẫn đến tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng lên mức 22% bằng số cùng kỳ năm ngoái. Chi phí quản lý doanh nghiệp duy trì mức ổn định 2%, giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Thu nhập khác trong quý này tăng chủ yếu liên quan khoản phải thu từ khoản bồi thường từ một nhà cung cấp.

Chi phí khác trong quý này giảm so với số cùng kỳ do năm ngoái chi phí tăng cao từ các khoản chi phí ngưng sản xuất trong giai đoạn ảnh hưởng mạnh từ Covid 19 năm 2021.

Trên đây là một số giải trình kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2022.

Trân trọng cảm ơn.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Đã ký và đóng dấu)

Hajime Kawasaki
Tổng Giám đốc